CTCP Gỗ An Cường (HSX: ACG)

FireAnt

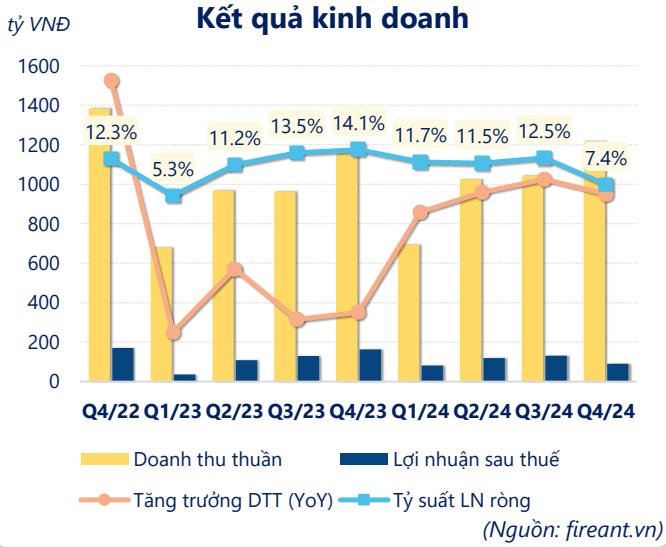
Ngày 31/12/2024	41,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.3%	**1.5%**	**-10.3%**

ROE — 2024: **10.1%** | +/- YoY: ▼ 0.7%

	Q4/24	QoQ	YoY
DT thuần	1,216 tỷ VNĐ	▲ 172 ▲ 16.5%	▲ 65.0 ▲ 5.7%
LN gộp	376 tỷ VNĐ	▲ 48.0 ▲ 14.8%	▲ 37.0 ▲ 11.0%
LN thuần	99.1 tỷ VNĐ	▼ 56.9 ▼ 36.5%	▼ 94.9 ▼ 48.9%
LN sau thuế	90.1 tỷ VNĐ	▼ 39.9 ▼ 30.7%	▼ 71.9 ▼ 44.4%

	2024	YoY
DT thuần	3,981 tỷ VNĐ	▲ 219 ▲ 5.8%
LN gộp	1,251 tỷ VNĐ	▲ 143 ▲ 13.0%
LN thuần	575 tỷ VNĐ	▲ 46.0 ▲ 8.7%
LN sau thuế	420 tỷ VNĐ	▼ 17.0 ▼ 3.8%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

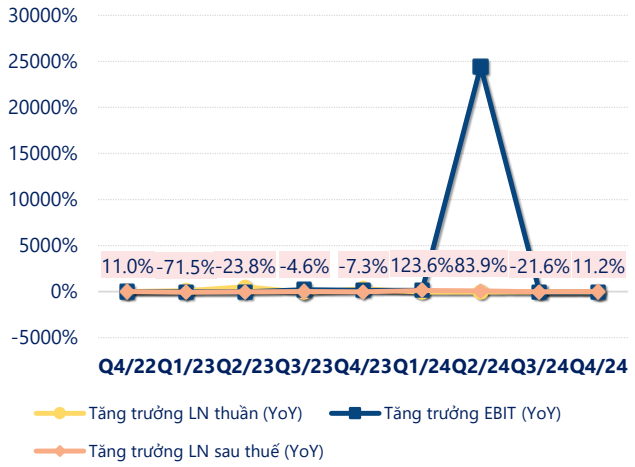
Lịch sử giá



CTCP Gỗ An Cường (HSX: ACG)

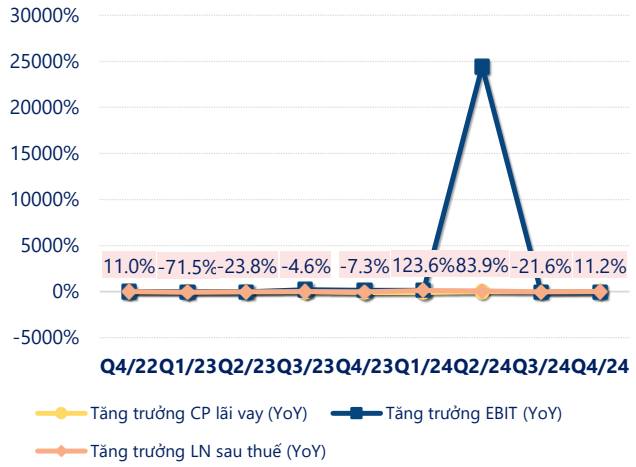
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



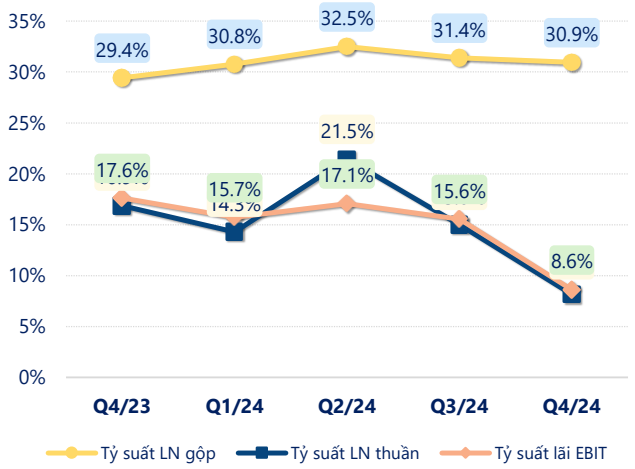
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



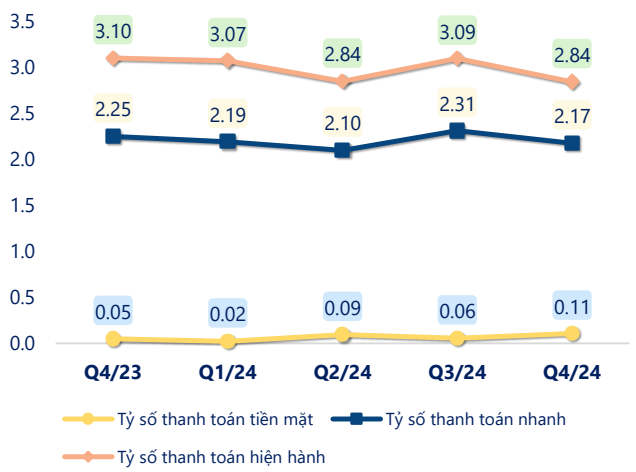
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



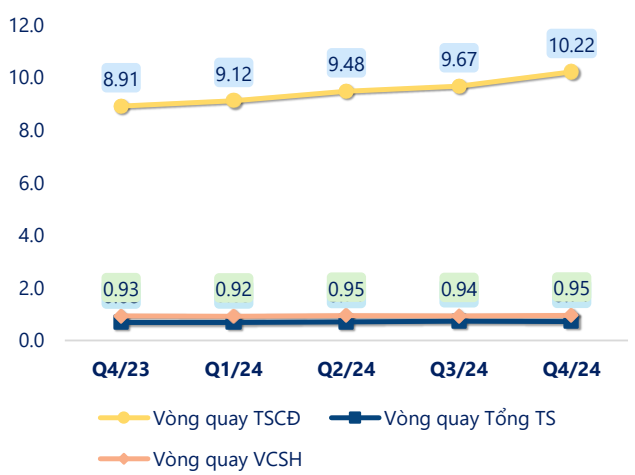
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



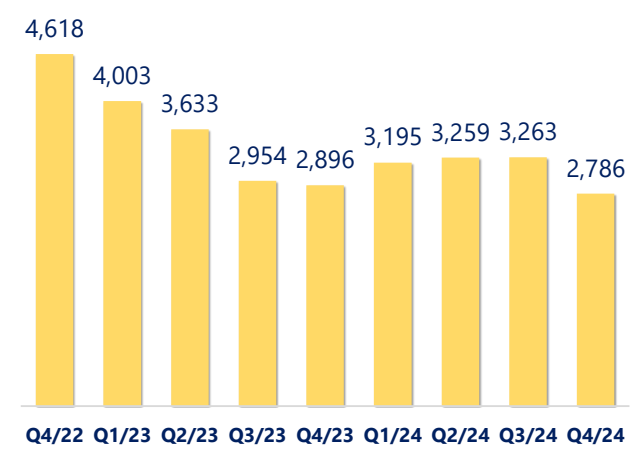
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

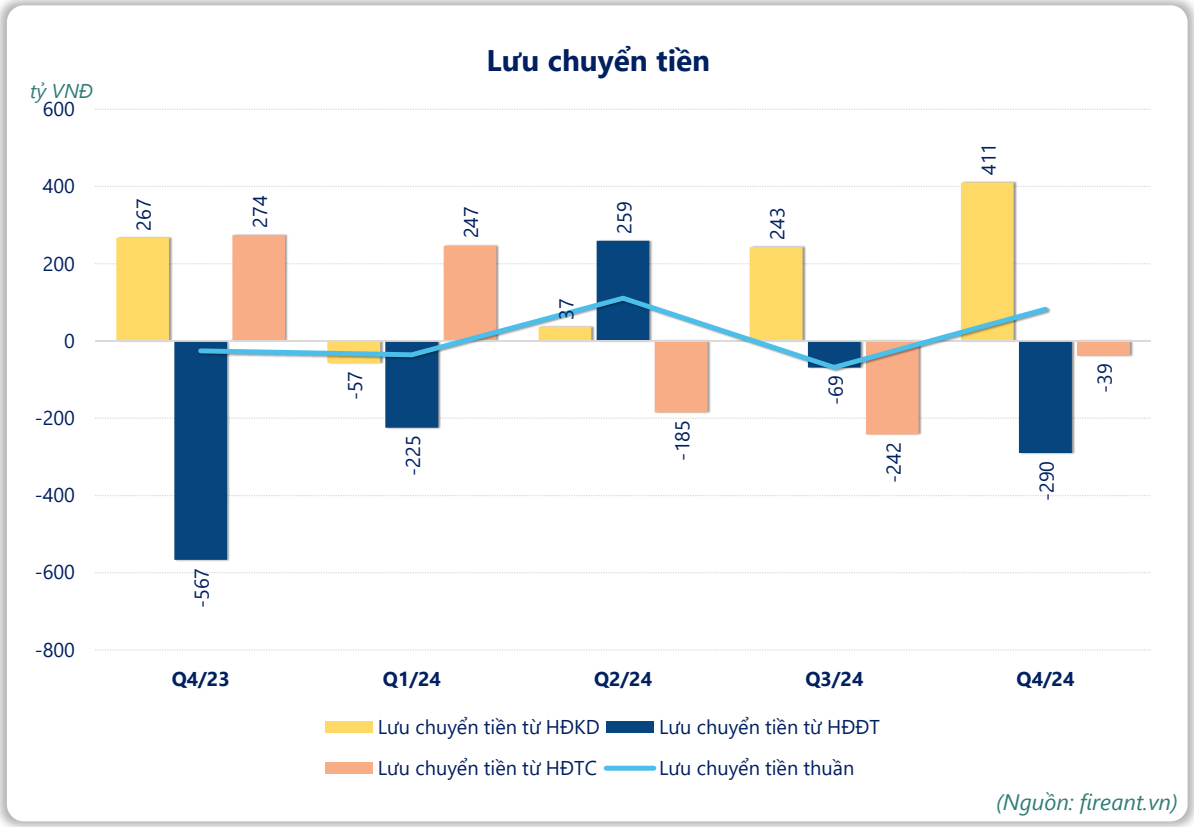


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Gỗ An Cường (HSX: ACG)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,216**	**1,151**	**5.7%**	**3,981**	**3,762**	**5.8%**
Giá vốn hàng bán	840	813	3.3%	2,730	2,655	2.8%
Lợi nhuận gộp	376	339	11.0%	1,251	1,108	13.0%
Doanh thu HĐTC	33.6	49.2	-31.6%	163	160	2.4%
Chi phí TC	8.34	7.56	10.4%	36.2	45.3	-20.2%
Chi phí lãi vay	5.76	5.99	-3.8%	27.6	38.8	-29.0%
LN trong công ty LKLD	**0.10**	**0.00**		**0.25**	**1.85**	**-86.6%**
Chi phí bán hàng	139	135	3.0%	494	522	-5.5%
Chi phí QLDN	**164**	**51.5**	**218%**	**310**	**172**	**80.0%**
LN thuần từ HĐKD	99.1	194	-48.9%	575	529	8.7%
Lợi nhuận khác	**-0.11**	**2.68**	**-104%**	**-51.0**	**11.3**	**-553%**
LN trước thuế	99.0	197	-49.8%	524	540	-3.0%
Lợi nhuận sau thuế	**90.1**	**162**	**-44.4%**	**420**	**437**	**-3.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**90.1**	**162**	**-44.4%**	**420**	**437**	**-3.8%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)